

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ- ST

Ngày 27/11/2020

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Tuấn Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Khắc Viện
2. Ông Nguyễn Văn Vân

Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27/11/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2020/TLST- HNGĐ, ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 13/11/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích Đ, sinh năm 1986.

- *Bị đơn:* Anh Lê Minh S, sinh năm 1984.

Cùng trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị Nguyễn Thị Bích Đ và anh Lê Minh S đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Minh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/02/2010 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã V, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng làm ăn sinh sống tại thôn Đ, xã V, huyện Sơn Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2019 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống chung luôn trong

tình trạng căng thẳng. Nay chị xác định tình cảm không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lê Tiến Đ, sinh ngày 12/01/2011 và cháu Lê Thanh L, sinh ngày 30/5/2013. Khi ly hôn chị đề nghị được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu L, còn cháu Đ chị nhất trí giao cháu cho anh S nuôi dưỡng, giáo dục.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/10/2020 anh Lê Minh S trình bày:

Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống giữa anh và chị Đ như chị Đ trình bày là đúng. Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn anh S xác định vợ chồng anh chị do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên đánh chửi nhau. Quan điểm của anh S là tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không nhất trí ly hôn với chị Đ.

Về con chung: Anh S xác định quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Lê Tiến Đ, sinh ngày 12/01/2011 và cháu Lê Thanh L, sinh ngày 30/5/2013. Nếu chị Đ kiên quyết xin ly hôn anh đề nghị Tòa án xem xét cho anh được quyền nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu. Anh không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, nợ chung: Anh S xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Tòa án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích Đ, xử cho chị Nguyễn Thị Bích Đ được ly hôn với anh Lê Minh S. Giao cháu Lê Tiến Đ, sinh ngày 12/01/2011 cho anh Lê Minh S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Lê Thanh L, sinh ngày 30/5/2013 cho chị Nguyễn Thị Bích Đ nuôi dưỡng, giáo dục. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Đ và anh S xác định không có nên không xem xét. Chị Đ phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Bích Đ và anh Lê Minh S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Nguyễn Thị Bích Đ và anh Lê Minh S đều đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn Đ, xã V, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Anh S và chị Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích Đ, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của chị Đ và anh S xác định: Chị Đ và anh S kết hôn vào năm 2010. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống tại thôn Đ, xã V, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Đến năm 2019 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Bản thân chị Đ xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án, anh S cũng thừa nhận việc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh S đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị Đ là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: Quá trình giải quyết ly hôn chị Đ đề nghị được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Thanh L và muốn giao cháu Lê Tiến Đ cho anh S nuôi dưỡng, giáo dục. Anh S không nhất trí với quan điểm về phần giao nuôi con chung của chị Đ. Anh S đề nghị được quyền nuôi dưỡng giáo dục cả hai cháu. Tại biên bản lấy lời khai của cháu Lê Tiến Đ và cháu Lê Thanh L thể hiện cháu Đ có nguyện vọng muốn được ở cùng anh S, còn cháu L có nguyện vọng muốn được ở cùng chị Đ. Bản thân chị Đ và anh S ở địa phương đều làm nghề lao động tự do với mức thu nhập tương đương nhau. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 giao cháu Lê Tiến Đ, sinh ngày 12/01/2011 cho anh Lê Minh S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Lê Thanh L, sinh ngày 30/5/2013 cho chị Nguyễn Thị Bích Đ nuôi dưỡng, giáo dục. Các bên không phải

cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Đ và anh S đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích Đ phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh S không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích Đ về việc *Kiến Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với anh Lê Minh S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích Đ được ly hôn với anh Lê Minh S.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Tiến Đ, sinh ngày 12/01/2011 cho anh Lê Minh S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Lê Thanh L, sinh ngày 30/5/2013 cho chị Nguyễn Thị Bích Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích Đ phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003613 ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh Lê Minh S không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Tuấn Linh

